**ĐĂNG KÝ ĐỀ TÀI**

**NHÓM XX**

**HỌC PHẦN: Xử lý ảnh và thị giác máy tính.**

**Giảng viên: Trần Nguyên Bảo Mã lớp học phần: xxxxxxxxx**

1. **THÀNH VIÊN NHÓM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | MSSV |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |  |

1. **MIÊU TẢ ĐỀ TÀI**

**Tên đề tài: xxxx**

1. **Giới thiệu**

Giới thiệu chung về xử lý ảnh hoặc thị giác máy tính (tùy đề tài của mình), tại sao thực hiện đề tài này.

1. **Công nghệ ứng dụng**

Ngôn ngữ lập trình (python, Java,...).

Môi trường, thư viện hỗ trợ.

1. **Cở sở lý thuyết**

Nêu cơ sở lý thuyết sẽ thực hiện trong sản phẩm, không cần nêu chi tiết. Mô hình học máy, thuật toán sử dụng, data để train và test là gì nếu liên quan tới thị giác máy tính. Hoặc thuật toán, phương pháp là gì nếu liên quan đến xử lý ảnh.

1. **Chức năng**

Chức năng của sản phẩm. Ví dụ:

* Nhận diện vị trí khuôn mặt (face detection).
* Nhận biết khuôn mặt người (face recognition).
* Phân loại sản phẩm (object classification).
* Nén ảnh.
* Chỉnh sửa ảnh (tự làm).

1. **Sản phẩm dự kiến**

Một trang web, app, chương trình (.exe), hoặc UI (user interface), nói chung sản phẩm sẽ có các nút chức năng **có thể demo được** yêu cầu đặt ra. Xác định input và output của sản phẩm. Ví dụ:

Một chương trình nhận biết khuôn mặt người khi đưa vào camera (hoặc upload tấm ảnh người đó). Input: hình ảnh khuôn mặt trên camera/ảnh người đó. Output: Thông tin như họ tên, mssv, ngày giờ…

Một chương trình chứa giao diện có thể nhận dạng chữ viết tay. Input: một ảnh có chứa các chữ viết tay. Output: nội dung chữ (xuất ra dạng text) bên trong ảnh đó.